

Tăng tỷ trọng

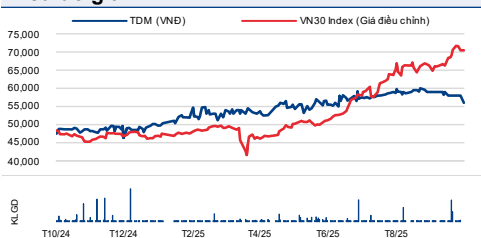
Giá mục tiêu: VNĐ64,600

Tiềm năng tăng/giảm: 15.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/10/2025)	56,000
Mã Bloomberg	TDM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	46,367-60,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	57,333
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	6,160
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	234
Slg CP lưu hành (tr.đv)	110
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	55.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	51.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.11%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	VCI (14.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	544	398	410
EBITDA đc (tỷ đồng)	385	287	296
LNTT (tỷ đồng)	225	207	206
LNT ĐC (tỷ đồng)	421	403	413
FCF (tỷ đồng)	388	(148)	121
EPS ĐC (đồng)	4,007	3,647	3,714
DPS (đồng)	1,273	1,400	1,300
BVPS (đồng)	22,893	23,296	23,773
T.trưởng EBITDA (%)	2.54	(25.4)	3.17
T.trưởng EPS ĐC (%)	(31.3)	(7.97)	(0.83)
Tăng trưởng DPS (%)	(2.10)	10.0	(7.14)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	70.7	72.2	72.3
Tỷ suất LNTTT (%)	41.4	51.9	50.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	37.5	49.8	48.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	65.4	78.1	73.2
Nợ thuần/VCSH (%)	4.86	7.94	1.49
ROAE (%)	8.98	7.76	7.55
ROACE (%)	9.99	4.38	3.43
EV/doanh thu (lần)	11.5	16.2	15.3
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.3	22.4	21.1
P/E ĐC (lần)	14.0	15.4	15.1
P/B (lần)	2.45	2.40	2.36
Lợi suất cổ tức (%)	2.27	2.50	2.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TDM là công ty nước với công suất đạt 260,000 mét khối nước/ngày. TDM sở hữu 37.42% cổ phần của BWE, công ty nước có công suất lớn thứ 3 tại Việt Nam

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hoàng Thanh Nhã

Chuyên Viên Phân Tích, Ngành Năng

nha.nht@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 271

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng

nam.nhoang@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 190

Q3/2025: KQKD yếu, nhưng không quá xa kỳ vọng

- Nếu không tính khoản cổ tức nhận được, TDM ghi nhận lỗ thuần 6 tỷ đồng trong Q3/2025 (Q3/2024: lợi nhuận 40 tỷ đồng) và lợi nhuận 60 tỷ đồng (giảm 54% so với cùng kỳ) trong 9 tháng đầu năm 2025. Đáng chú ý, TDM đã giảm 34% giá bán bình quân (so với mức giá vào cuối năm 2024) cho công ty có liên quan/khách hàng duy nhất là BWE. Quyết định có hiệu lực từ tháng 8/2025 này phần nào ảnh hưởng đến KQKD của công ty.
- Với khoản cổ tức nhận được từ công ty liên kết, lợi nhuận thuần Q3/2025 của TDM đạt 3 tỷ đồng (giảm 95% so với cùng kỳ). Theo đó, lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2025 đạt 200 tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ và đạt 101% dự báo cho cả năm 2025 của HSC), bao gồm 107 tỷ đồng cổ tức nhận được từ BWE (ghi nhận trong nửa đầu năm 2025).
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng qua, TDM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15 lần, cao hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 12 lần. Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu, cho thấy tiềm năng tăng giá 15%.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

Nếu không tính khoản cổ tức nhận được, TDM ghi nhận lỗ thuần 6 tỷ đồng trong Q3/2025 (Q3/2024: lợi nhuận 40 tỷ đồng) và lợi nhuận 60 tỷ đồng (giảm 54% so với cùng kỳ) trong 9 tháng đầu năm 2025 – KQKD kém tích cực nhưng đa phần phù hợp với kỳ vọng của HSC (Bảng 1).

Công ty ghi nhận lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi trong Q3/2025 kém, đa phần do giảm 34% giá bán bình quân cho BWE (so với cuối năm 2024 ở mức 4.600đ/lít; có hiệu lực từ tháng 8/2025). Mức chiết khấu lần này lớn hơn nhiều so với mức chiết khấu trước đó là 21,7% (có hiệu lực từ tháng 3/2025, ở mức khoảng 5.440đ/lít). Ngoài ra, lợi nhuận giảm cũng là do sản lượng tiêu thụ giảm 12,8% (Bảng 2). Chúng tôi cho rằng việc tăng mức chiết khấu thể hiện việc TDM tiếp tục hỗ trợ tài chính cho BWE (như đã thảo luận trong báo cáo gần đây của chúng tôi ‘Lợi ích hài hòa cùng phát triển’).

Trong khi đó, lợi nhuận thuần Q3/2025 chỉ đạt 3 tỷ đồng (giảm mạnh 95% so với cùng kỳ) chủ yếu đến từ 10 tỷ đồng cổ tức từ CTCP Cấp nước Cần Thơ (CTW; chưa khuyến nghị, TDM sở hữu 22,96% cổ phần).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 và 9 tháng đầu năm 2025, TDM

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ	Dự báo 2025 – HSC	% dự báo
Doanh thu thuần	64	-40%	-36%	264	-34%	398	66%
Lợi nhuận gộp	12	-74%	-74%	111	-37%	141	78%
Thu nhập tài chính	10	-46%	-62%	144	543%	136	106%
Chi phí tài chính	(16)	N/a	7%	(37)	36%	121	
Chi phí BH&QL	(4)	17%	24%	(11)	7%		
Lợi nhuận thuần	3	-95%	-95%	200	36%	198	101%
Lợi nhuận thuần trừ cổ tức	(6)	-115%	-95%	60	-54%	77	78%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19.2%	-26ppt	-94%	42%	-2%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	4.9%	-49ppt	-120%	76%	39%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần, trừ cổ tức	-9.2%	-47ppt	-29ppt	23%	-9.6ppt		
Màng nước							
Sản lượng tiêu thụ (triệu m³)	13.3	-13%	-28%	47.3	-7%		
Giá bán bình quân/lít (đồng)	4,807	-31%	-12%	5,565	-20%		
Lợi nhuận gộp/lít (đồng)	924	-71%	-64%	2,335	-32%		

Nguồn: HSC ước tính

Theo đó, lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2025 đạt 200 tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ, hoàn thành 101% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi). Kết quả trên đạt được là nhờ sự hỗ trợ của 107 tỷ đồng cổ tức từ Biwase (BWE; Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 60.300đ; TDM sở hữu 37,42% cổ phần) và các khoản cổ tức khác (tất cả đều được ghi nhận trong nửa đầu năm 2025). Đáng chú ý, công ty nhận được khoản cổ tức từ CTCP Cấp nước Đồng Nai (DNW; chưa khuyến nghị) sớm hơn một quý (vào Q2/2025) so với thường lệ. Điều này góp phần kéo dẫn chênh lệch lợi nhuận của Q3/2025 so với Q3/2024 thêm 17,3 tỷ đồng.

Dự kiến giữ nguyên giá bán bình quân; KQKD Q4/2025 có thể yếu

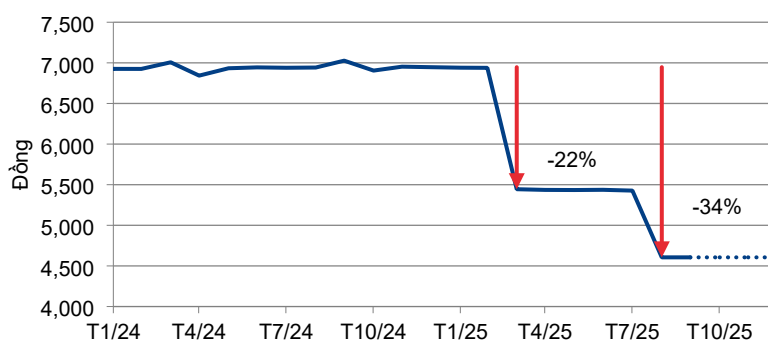
Sau khi trao đổi với BLĐ, HSC tin rằng công ty có khả năng sẽ giữ nguyên giá bán bình quân cho BWE đến cuối năm, nên KQKD Q4/2025 có thể sẽ kém khả quan (nhưng đa phần sát với dự báo cho năm 2025 của chúng tôi). Với giả định này, giá bán bình quân cho BWE cho cả năm 2025 sẽ ở mức khoảng 5.270đ/lít, thấp hơn một chút so với dự báo cho năm 2025 của chúng tôi ở mức khoảng 5.450đ/lít (nửa đầu năm 2025 – 5.440đ/lít; dự báo nửa cuối năm 2025 – 5.090đ/lít).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, với giá mục tiêu 64.600đ

Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng qua, TDM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15 lần, cao hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023. Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với TDM và giữ nguyên giá mục tiêu theo phương pháp SoTP là 64.600đ. TDM là cổ phiếu phù hợp với câu chuyện đầu tư xanh và sạch, nhờ việc liên tục mở rộng công suất để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước dài hạn từ các khu công nghiệp. Rủi ro chính đối với TDM là mức chiết khấu giá bán cho BWE biến động khó lường.

Biểu đồ 2: Giá bán nước bình quân của TDM cho BWE

So với năm 2024, TDM đã giảm 34% giá bán nước bình quân cho BWE



Nguồn: HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	533	544	398	410	422
Lợi nhuận gộp	241	258	141	120	170
Chi phí BH&QL	(14.2)	(14.2)	(14.2)	(14.2)	(14.2)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	227	243	127	106	156
Lãi vay thuần	75.4	(18.2)	79.5	99.6	107
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	0.15	0.07	0	0	0
LNTT	302	225	207	206	262
Chi phí thuế TNDN	(18.7)	(20.9)	(8.53)	(8.45)	(14.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	283	204	198	197	248
Lợi nhuận thuần ĐC	424	421	403	413	497
EBITDA ĐC	376	385	287	296	306
EPS (đồng)	2,834	1,947	1,792	1,777	2,234
EPS ĐC (đồng)	4,243	4,007	3,647	3,714	4,469
DPS (đồng)	1,300	1,273	1,400	1,300	1,300
Slg CP bình quân (triệu đv)	100	105	111	111	111
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	100	110	111	111	111
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	100	110	111	111	111

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	110	264	343	605	758
Đầu tư ngắn hạn	40.0	157	127	118	108
Phải thu khách hàng	351	156	137	61.5	63.3
Hàng tồn kho	2.06	77.3	58.4	62.2	66.2
Các tài sản ngắn hạn khác	2.10	2.93	4.13	6.30	8.60
Tổng tài sản ngắn hạn	505	657	669	853	1,004
TSCĐ hữu hình	650	696	716	827	776
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	60.0	7.48	157	7.48	8.48
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,232	1,532	1,532	1,532	1,532
Tài sản dài hạn khác	156	131	147	152	156
Tổng tài sản dài hạn	2,098	2,366	2,553	2,518	2,473
Tổng cộng tài sản	2,603	3,024	3,221	3,371	3,477
Nợ ngắn hạn	215	112	112	112	112
Phải trả người bán	52.4	6.57	6.79	9.04	11.4
Nợ ngắn hạn khác	240	112	78.2	76.4	74.5
Tổng nợ ngắn hạn	515	238	200	200	203
Nợ dài hạn	52.3	267	433	529	529
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	52.3	267	433	529	529
Tổng nợ phải trả	567	505	633	730	732
Vốn chủ sở hữu	2,037	2,518	2,588	2,641	2,745
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,037	2,518	2,588	2,641	2,745
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,603	3,024	3,221	3,371	3,477
BVPS (đ)	20,366	22,893	23,296	23,773	24,707
Nợ thuần*/(tiền mặt)	157	116	203	36.8	(117)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	227	243	127	106	156
Khấu hao	(149)	(142)	(160)	(190)	(150)
Lãi vay thuần	75.4	(18.2)	79.5	99.6	107
Thuế TNDN đã nộp	(18.7)	(20.9)	(8.53)	(8.45)	(14.1)
Thay đổi vốn lưu động	99.9	(55.2)	(0.75)	69.6	(5.97)
Khác	(96.2)	223	(71.9)	(47.7)	(49.5)
LCT thuần từ HĐKD	341	523	182	272	198
Đầu tư TS dài hạn	(81.2)	(135)	(330)	(151)	(100)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	(64.2)	(497)	13.5	4.59	5.74
LCT thuần từ HĐĐT	(145)	(632)	(316)	(146)	(94.3)
Cổ tức trả cho CSH	(130)	(140)	(156)	(144)	(144)
Thu từ phát hành CP	64.4	0	0	0	300
Tăng/giảm nợ	11.1	112	166	96.0	0
Khác	(64.4)	291	203	185	(106)
LCT thuần từ HĐTC	(119)	263	213	137	49.6
Tiền & tương đương tiền đầu kì	33.5	110	264	343	605
LCT thuần trong kỳ	76.5	154	78.8	262	154
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	110	264	343	605	758
Dòng tiền tự do	260	388	(148)	121	98.3

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.2	47.3	35.5	29.4	40.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	70.5	70.7	72.2	72.3	72.4
Tỷ suất LNT (%)	53.2	37.5	49.8	48.2	58.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.19	9.28	4.13	4.11	5.37
Tăng trưởng doanh thu (%)	11.2	2.22	(26.9)	3.00	3.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(2.21)	2.54	(25.4)	3.17	3.16
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(10.1)	(0.84)	(4.17)	2.35	20.3
Tăng trưởng EPS (%)	28.6	(31.3)	(7.97)	(0.83)	25.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(10.1)	(5.56)	(8.98)	1.85	20.3
Tăng trưởng DPS (%)	8.33	(2.10)	10.0	(7.14)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.9	65.4	78.1	73.2	58.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	8.98	7.76	7.55	9.22
ROACE (%)	10.7	9.99	4.38	3.43	4.83
Vòng quay tài sản (lần)	0.21	0.19	0.13	0.12	0.12
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.50	2.15	1.43	2.56	1.27
Số ngày tồn kho	2.57	98.3	83.2	78.5	95.8
Số ngày phải thu	439	199	194	77.5	91.6
Số ngày phải trả	65.6	8.37	9.67	11.4	16.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	8.09	4.86	7.94	1.49	(4.10)
Nợ/tài sản (%)	10.6	12.8	17.0	19.1	18.6
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	13.4	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.73	1.00	1.91	2.17	2.11
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.98	2.76	3.34	4.25	4.96
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	10.8	11.5	16.2	15.3	14.5
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.3	16.3	22.4	21.1	20.0
P/E (lần)	19.8	28.8	31.3	31.5	25.1
P/E ĐC (lần)	13.2	14.0	15.4	15.1	12.5
P/B (lần)	2.75	2.45	2.40	2.36	2.27
Lợi suất cổ tức (%)	2.32	2.27	2.50	2.32	2.32

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn